

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA
Số:80/2017/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 22 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th - Sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh Thanh hóa

Bị đơn: anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn Ng, xã C, huyện T, Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55; 58; 81; 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 14 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th

Trú tại: Thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh Thanh hóa

Bị đơn: anh Phạm Văn T

Trú tại: Thôn Ng, xã c, huyện T, Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Phạm Văn T

- **Về con chung:** Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Mai H – Sinh ngày: 17/01/2015.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Th và anh T như sau:

Giao cháu Mai H cho chị Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung một tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) đến khi cháu Mai H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2017.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 3 và khoản 4 điều 147 - BLTTDS; khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Th phải chịu 75.000đ án phí DSST. Anh T phải chịu 75000đ án phí DSST và 150.000đ án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th nhận nộp cả phần án phí cho anh T. Chị Th đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0000588, ngày 19/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa được trừ vào tiền án phí DSST. Chị Th, anh T không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy
- UBND xã C,
- huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Luyện